

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/TCDS-ST
Ngày: 25 - 02 - 2022
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thuận
2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-TCDS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐST-DS ngày 31/12/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 02 ngày 13/01/2022 và Thông báo xét xử số 07/TB-TA ngày 10/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Hoàng Văn L1 (con trai của bà L) theo văn bản uỷ quyền ngày 09/9/2021. (Anh L1 có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Khắc C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. (Có mặt).

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

1. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt).

2. Ông Hoàng Văn H2, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt).

3. Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

Bà Hoàng Thị H3 ủy quyền cho ông Hoàng Văn H2 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2021.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2021, bản tự khai của nguyên đơn bà Hoàng Thị L ngày 10/8/2021 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, anh Hoàng Văn L1 trình bày:

Bố tôi là ông Hoàng T, sinh năm 1930 kết hôn với mẹ tôi là bà Phạm Thị M, sinh năm 1929. Bố mẹ tôi sinh được 05 người con chung gồm: Hoàng Thị H1, sinh năm 1958; Hoàng Văn H2, sinh năm 1960; Hoàng Văn D, sinh năm 1965; Hoàng Thị L, sinh năm 1969 và Hoàng Thị H3, sinh năm 1972. Bố mẹ chúng tôi lúc còn sống không có con riêng. Sinh thời bố mẹ tôi tạo lập được quyền sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm là tài sản chung của vợ chồng. Cụ thể là thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7; diện tích 628 m²; địa chỉ tại thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 938866 do UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/9/2007 mang tên mẹ tôi là bà Phạm Thị M. Trước lúc chết, bố mẹ tôi không để lại di chúc, không làm thủ tục tặng cho bằng văn bản để định đoạt về phần tài sản đối với thửa đất trên. Bố tôi mất vào năm 1983, mẹ tôi mất vào năm 2020. Khi bố mẹ tôi còn sống, tôi Hoàng Thị L là con thứ tư trong gia đình ở cùng bố mẹ trên thửa đất này để phụng dưỡng bố mẹ già. Mặt khác do hoàn cảnh bản thân tôi mang bệnh tật bẩm sinh từ nhỏ và là mẹ đơn thân nuôi con, cuộc sống khó khăn, túng thiếu nên bố mẹ tôi đã cưu mang và cho 2 mẹ con tôi, (cháu Hoàng Văn L1 con trai tôi và tôi) đã ở cùng bố mẹ trên mảnh đất này từ lúc sinh ra cho đến nay. Khi các anh chị em tôi lớn lên đều lập gia đình ra ở riêng được Nhà nước cấp đất ở, đất vườn để làm nhà, kinh tế ổn định, còn tôi vẫn ở cùng mẹ tôi cho đến lúc mẹ mất vào năm 2020. Cuối năm 2020 tôi được chính quyền địa phương xét, hỗ trợ làm nhà “Xóa mái tranh nghèo” cho mẹ con tôi, nhưng vướng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ tôi Phạm Thị M. Được sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn đề nghị làm thủ tục thoả thuận phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại theo qui định của pháp luật. Các anh chị em trong gia đình (cả 5 anh em, trong đó có cả ông D) đã họp bàn việc làm thủ tục phân chia tài sản thừa kế và thống nhất, ký tên giao cho tôi là người duy nhất thừa kế di sản như di nguyện của bố mẹ để lại thửa đất đó. Anh trai tôi Hoàng Văn D cũng thống nhất thoả thuận, đồng ý ký tên để tôi làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên khi tôi đang làm thủ tục sang tên thì ông D lại thay đổi ý kiến, không chấp nhận và tuyên bố chỉ có ông D mới có quyền định đoạt thửa đất mà bố mẹ để lại. Từ đó giữa tôi và ông D xảy ra tranh chấp tài sản thừa kế. Sau đó sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hoá hoà giải, nhưng ông D không chấp hành, không hợp tác, cố tình không đến trụ sở uỷ ban xã để tham gia việc hoà giải. Vì vậy tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế trên.

Nguyện vọng của tôi được sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên và tài sản gắn liền với đất (là ngôi nhà của tôi làm trước đây trên đất thừa kế của bố mẹ để lại). và yêu cầu Toà án tính đến công sức của tôi đã quản lý, di sản của bố mẹ và phụng dưỡng mẹ trong suốt thời gian dài đến lúc mẹ mất. Nhằm để đảm bảo cuộc sống của mẹ con tôi không bị xáo trộn vì hoàn cảnh gia đình tôi hết sức khó khăn. Yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá chia thừa kế theo pháp luật theo sự thoả thuận phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ tôi để lại giữa các anh chị em tôi là Hoàng Thị H1, Hoàng Văn H2, Hoàng Thị H3 đã nhường lại cho tôi kỹ phần thừa kế của mỗi người.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2021 ông Hoàng Văn D bị đơn trình bày: Bố tôi là ông Hoàng T kết hôn với mẹ tôi là bà Phạm Thị M và có với nhau 05 người con chung: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1969; bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1958; ông Hoàng Văn H2, sinh năm 1960; bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1972 và tôi Hoàng Văn D, sinh năm 1965. Bố mẹ tôi ngoài 05 người con chung thì không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Bố mẹ của bố mẹ tôi đã chết từ lâu, tôi không nhớ rõ thời gian. Về nguồn gốc di sản thừa kế: Thửa đất đó là do tôi và bố tôi là ông Hoàng T mua của ông Lê Việt Vịnh vào năm 1983. Sau đó thửa đất đó được chia ra cho mẹ tôi sử dụng một phần còn tôi sử dụng một phần. Cả 2 phần đất này sau đó đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Trong đó thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7; diện tích 628 m²; địa chỉ tại thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 938866 do UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/9/2007 mang tên mẹ tôi là bà Phạm Thị M. Bố tôi ông Hoàng T chết vào ngày 28/11/1983, còn mẹ tôi bà Phạm Thị M bị bệnh chết vào ngày 13/02/2020. Mẹ tôi đột ngột chết nên không để lại di chúc. Vì tôi có mâu thuẫn với anh em trong gia đình nên giữa chúng tôi không họp bàn bạc gì với nhau về việc phân chia di sản thừa kế, còn anh em có bàn bạc gì khác không thì tôi không biết. Hiện nay trên thửa đất đó có một ngôi nhà 02 gian bằng gỗ và một số cây ăn quả. Thửa đất đó và ngôi nhà trên đất đang do em gái tôi là bà Hoàng Thị L sinh sống, sử dụng từ năm 2003 cho đến nay cùng với mẹ tôi. Từ khi mẹ tôi (bà Phạm Thị M) chết vào năm 2020 cho đến nay thì bà L tiếp tục quản lý, sử dụng. Nay bà Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất nói trên của mẹ tôi (bà Phạm Thị M), tôi không đồng ý. Vì thửa đất đó ban đầu là do tôi mua nên tôi có quyền sử dụng.

Tại các bản tự khai ngày 27/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H2, bà Hoàng Thị H1 trình bày: Chúng tôi nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn bà Hoàng Thị L về di sản thừa kế bố mẹ để lại là thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7; diện tích 628 m²; Địa chỉ tại thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 938866 do UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/9/2007 mang tên mẹ chúng tôi là bà Phạm Thị M. Chúng tôi là những người được hưởng thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất gồm: Hoàng Thị H1, sinh năm 1958; Hoàng Văn H2, sinh năm 1960; Hoàng Văn D, sinh năm 1965; Hoàng Thị L, sinh năm 1969 Hoàng Thị H3, sinh năm 1972. Nguyện vọng của chúng tôi là

đề nghị Tòa án phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật, về phần thừa kế của chúng tôi (gồm H1, H2, H3) sẽ giao lại cho bà Hoàng Thị L được quản lý, sử dụng.

Đối với bà Hoàng Thị H3 (ủy quyền cho ông Hoàng Văn H2 thay mặt mình tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2021). Bà H3 cũng đề nghị Tòa án phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật. Bà H3 đồng ý giao lại phần thừa kế của bà H3 được hưởng cho bà Hoàng Thị L được quản lý, sử dụng như ông Hoàng Văn H2 và bà Hoàng Thị H1.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã nhiều lần triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên chỉ có mặt nguyên đơn bà Hoàng Thị L (ủy quyền cho anh Hoàng Văn L1) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H2, bà Hoàng Thị H1. Bị đơn ông Hoàng Văn D vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2. Vì vậy Toà án không thể thực hiện được việc hoà giải giữa các bên. Ngày 16/11/2021 Toà án trực tiếp đến tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hoá, nơi các đương sự cư trú và có tài sản thừa kế để lấy lời khai của ông D và tiến hành hoà giải giữa các đương sự. Tuy nhiên sau khi hoà giải phía bị đơn ông Hoàng Văn D tự ý bỏ về không ký vào biên bản hoà giải. Thái độ bất hợp tác, chống đối. Toà án đã lập biên bản về việc không hoà giải được và việc đương sự từ chối ký vào biên bản hoà giải (có sự xác nhận của UBND xã Thanh Hoá).

Cùng ngày phía nguyên đơn (người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị L là anh Hoàng Văn L1) có đơn yêu cầu Toà án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với di sản thừa kế nói trên. Ngày 07/12/2021, Toà án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với di sản thừa kế là thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7; diện tích 628 m²; địa chỉ tại thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 938866 do UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/9/2007 mang tên bà Phạm Thị M và các tài sản gắn liền trên đất.

Hội đồng thẩm định đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất nói trên và dùng máy ATK(kolida K5plus) để xác định toạ độ các điểm nối với nhau thành các đường thẳng, cụ thể như sau:

Điểm 1 : X = 1988553.59 ; Y = 48345500

Điểm 2 : X = 1988542.44; Y = 483457.21

Điểm 3 : X = 1988539.25; Y = 483478.16

Điểm 4 : X = 1988538.21; Y = 483496.16

Điểm 5 : X = 1988557.54; Y = 483496.15

Khoảng cách giữa các điểm như sau:

Từ điểm 1-2: 11,37m; từ điểm 2-3: 21,19m; từ điểm 3-4: 18,03m, từ điểm 4-5: 19,33m; từ điểm 5-1: 41,34m. Tổng diện tích của thửa đất theo thực trạng đo được là 628m² (sáu trăm hai mươi tám mét vuông) . Không có biến động gì so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc từ điểm 1-5 giáp thửa đất số 334, tờ bản đồ số 7 của bà Bùi Thị Sửu.

Phía Đông từ điểm 4-5 giáp thửa đất số 352, tờ bản đồ số 7 của ông Lê Quang Vịnh.

Phía Tây từ điểm 1-2 giáp đường giao thông.

Phía Nam điểm từ 2,3,4 giáp thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7 của ông Hoàng Văn D.

Tài sản gắn liền với đất gồm có:

Nhà kết cấu gỗ tròn các loại, bao che xung quanh bằng ván, mái lợp Pbroxi măng và một phần ngói, cửa gỗ bằng ván ghép, nền đất. Diện tích ngôi nhà là $74,57m^2$.

Các loại cây trồng trên đất gồm có:

23 cây chuối mới trồng, 07 cây chuối sắp trở buồng, 01 cây xoài, (loại đã có quả ổn định) 01 cây vải (loại có quả ổn định) 01 bụi tre (có khoảng 10-20 cây) 02 cây cọ, 01 cây xoan, phi 30 thu hoạch, 02 cây cà phê, khoai môn, gừng, nghệ các loại có diện tích $15m^2$, 01 cây chanh đến lúc thu hoạch, 03 bụi mía (trồng trên 6 tháng: bụi > 5 cây), 01 cây mung (loại phi > 10 đến < 30cm), 01 cây mít phi < 25 cm đã ra quả, 01 cây bưởi (loại có quả ổn định) và 03 cây ổi.

01 giếng nước đã hết giá trị sử dụng.

Cùng ngày Hội đồng định giá do Toà án thành lập đã tiến hành định giá đất và tài sản trên đất tranh chấp. Căn cứ quyết định số 40/2019/QĐ - UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2020 - 2024 xác định :

Trên thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7 tại thôn 2 T, xã Thanh Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình có $400m^2$ đất ở nông thôn và $228m^2$ đất trồng cây lâu năm, có giá như sau:

- Đất ở nông thôn thuộc khu vực 3, vị trí 1 xã Thanh Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, có đơn giá: $40.000đ/m^2$, có giá: $40.000đ/m^2 \times 400m^2 = 16.000.000đ$ (mười sáu triệu đồng).

- Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1 xã Thanh Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình có đơn giá : $20.000đ/m^2$; có giá : $20.000đ/m^2 \times 228m^2 = 4.560.000đ$.

Tổng giá trị thửa đất là $20.560.000đ$ (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). (Theo giá của UBND tỉnh Quảng Bình).

Giá thị trường của thửa đất này tại thời điểm có tranh chấp theo các hộ dân trong khu vực và ý kiến thống nhất của Hội đồng định giá là $250.000.000đ$ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Trị giá nhà theo đơn giá $895.000đ/m^2$ xây dựng có diện tích $54,57m^2 \times 895.000đ/m^2 = 48.840.150đ$ (bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng), theo giá của UBND tỉnh Quảng Bình. Giá bồi thường của Nhà nước không qui định tính tỷ lệ sử dụng hao mòn.

Giá trị cây trồng các loại có trên đất là $6.384.500đ$ (sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng), theo giá của UBND tỉnh Quảng Bình. Cụ thể: 23 cây chuối mới trồng, đơn giá $12.000đ/cây$ là $276.000đ$, 07 cây chuối sắp trở buồng $\times 25.300đ/cây$ là $177.100đ$, 01 cây xoài đơn giá $661.000đ/cây$, 01 cây vải thiều (loại có quả ổn định) đơn giá $755.000.000đ$, 01 bụi tre (từ 10 đến 20 cây) có giá $106.700đ$, 02 cây cọ đơn giá $49.500đ/cây$ có giá $99.000đ/cây$, 01 cây xoan có giá $52.680đ$

(43.900 đ x 1,2 cây), 02 cây cà phê đơn giá 289.000đ/cây có giá 578.000đ, khoai môn, gừng, nghệ các loại diện tích 15m² có đơn giá 5.800đ/m², có giá 15m² x 5.800đ/m² = 87.000đ, 01 cây chanh đến lúc thu hoạch có giá 36.000đ, 03 bụi mía có giá 22.000đ, 01 cây mung loại phi trên 10 đến dưới 30 cm có giá 886.600đ, 01 cây mít phi dưới 25cm đã ra quả có giá 719.000đ, 01 cây bưởi loại đã có quả ổn định có giá 661.200đ, 03 cây ổi có đơn giá 313.000đ/cây là 939.000đ.

01 giếng nước cũ đã hết hạn sử dụng.

Tổng cộng giá trị đất, nhà ở và cây trồng trên đất theo giá của UBND tỉnh Quảng Bình là 75.784.650 đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Giá trị đất ở theo giá thị trường là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Các đương sự nhất trí với giá trị đất trên thị trường của Hội đồng định giá.

Sau khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ngày 31/12/2021, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 13/01/2022 bị đơn (ông Hoàng Văn D) vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử phải ra Quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 25/02/2022 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa nhưng bị đơn ông Hoàng Văn D tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Văn H2 và bà Hoàng Thị H3 (bà H3 uỷ quyền cho ông H2 thay mặt bà H3 tham gia tố tụng) đều có nguyện vọng giao lại phần thừa kế của mỗi người được chia cho bà Hoàng Thị L quản lý và sử dụng. Ông H2, bà H1 và bà H3 đều không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án chia diện tích đất vườn theo kỹ phần của mỗi người được hưởng mà giao lại cho bà L được quản lý và sử dụng toàn bộ kỹ phần của bà H1, ông H2 và bà H3.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình phát biểu việc tuân theo pháp luật đối với Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật, hợp tác với Tòa án. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận Đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hoàng T và bà Phạm Thị M theo yêu cầu của bà Hoàng Thị L và giao cho bà L được nhận toàn bộ kỹ phần thừa kế của bà H1 ông H2 và bà H3.

Về chi phí thẩm định: Do bà H1, ông H2, bà H3 từ chối nhận kỹ phần di sản, tất cả giao cho bà L được quản lý sử dụng nên bà Hoàng Thị L phải chịu theo qui định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị L được miễn án phí theo qui định của pháp luật. Ông D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Ông Hoàng Khắc Chinh trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện

ủa nguyên đơn Hoàng Thị L và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, công nhận giao dịch dân sự chia thừa kế và giao toàn bộ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7, diện tích 628m² cho bà Hoàng Thị L được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các bên đương sự cũng như kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp phát sinh khi bà Hoàng Thị L là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ đẻ là ông Hoàng T và bà Phạm Thị M, sau khi ông T bà M chết không để lại di chúc là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7; diện tích 628m²; địa chỉ thửa đất tại thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 938866 do UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/9/2007 mang tên bà Phạm Thị M. Mặc dù các đồng thừa kế trình bày đã họp gia đình vào ngày 24/7/2019 khi bà M còn sống và được sự thoả thuận của các bên cùng nhất trí ký tên vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giao cho bà Hoàng Thị L được quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất của bà Phạm Thị M. Nhưng xét thấy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị M ngày 24/7/2019 nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện là bản foto không có công chứng, chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã Thanh Hoá. Về phần diện tích thửa đất 628m² nhưng trong hợp đồng ghi bằng chữ (sáu hai mươi tám mét vuông) là thiếu chính xác. Mặt khác bên A có điểm chỉ trong Hợp đồng nhưng không ghi rõ điểm chỉ này là của ai và bị gạch bút dưới các dòng chữ nên về hình thức của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không đảm bảo. Quá trình giải quyết Tòa án yêu cầu phía nguyên đơn giao nộp bản foto có công chứng nên đến ngày 03/12/2021 anh Hoàng Văn L1 (đại diện theo uỷ quyền của bà L) mới nộp bổ sung cho Tòa án bản Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có foto, công chứng của UBND xã Thanh Hoá và bản xác nhận của UBND xã Thanh Hoá thời điểm hiện tại về sự sai sót phần diện tích đất do lỗi đánh máy. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mặc dù có đầy đủ các bên tham gia ký kết, có chữ ký của các bên (trong đó có cả ông D bị đơn). Nhưng sau đó khi bà L làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền để chuyển quyền sử dụng đất từ bà Phạm Thị M sang tên bà Hoàng Thị L thì ông D đã thay đổi ý kiến không nhất trí giao cho bà Hoàng Thị L được quản lý, sở hữu và sử dụng toàn bộ di sản của bà Phạm Thị M. Mặt khác quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hoà giải giữa các bên để làm rõ lý do ông D thay đổi ý kiến thoả thuận trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tuy nhiên ông D không hợp tác với Tòa án nên không tiến hành hoà giải được và không xác định được Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chủ thể tham gia giao dịch dân sự là ông D có hoàn toàn tự nguyện không. Mặt khác phía bị đơn ông Hoàng Văn D sau khi đã ký tên vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã thay đổi ý kiến không nhất trí giao cho bà Hoàng Thị L được quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản thừa kế của bà Phạm Thị M. Do đó đã xảy ra tranh chấp

giữa các bên, bà Hoàng Thị L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Về đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (ông Hoàng Khắc Chinh) đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nội dung của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 44/2019 ngày 24/7/2019 buộc các bên thực hiện đúng thỏa thuận giữa các bên. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.

Căn cứ quy định trên thì thấy rằng quá trình giải quyết nguyên đơn và người đại diện nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp về thừa kế, không rút yêu cầu khởi kiện và không thay đổi nội dung khởi kiện. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn anh Hoàng Văn L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự chia thừa kế theo pháp luật để giải quyết là đúng với yêu cầu của nguyên đơn và đúng pháp luật.

Di sản không có di chúc nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật; mặt khác thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Về thời điểm mở thừa kế: Ông Hoàng T chết năm 1983 không để lại di chúc. Bà Phạm Thị M chết ngày 13/02/2020. Căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự, thời điểm mở thừa kế của bà M là ngày 13/02/2020.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Bà Phạm Thị M chết ngày 13/02/2020 đến ngày 15/6/2021 bà Hoàng Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế của bà M. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự yêu cầu khởi kiện của bà L (uỷ quyền cho anh Hoàng Văn L1) trong thời hiệu được quyền khởi kiện.

1.4. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Quá trình giải quyết ông Hoàng Văn D vắng mặt không hợp tác với Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành việc hoà giải cho các đương sự được. Tại phiên tòa ông D tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản hợp lệ và niêm yết tại UBND xã Thanh Hoá. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt ông Hoàng Văn D.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét về hàng thừa kế: Theo lời khai của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì: Ông Hoàng T, sinh năm 1930, chết năm 1983, bà Phạm Thị M sinh năm 1929 chết năm 2020. Bố mẹ của bà M đều đã chết. Bà M có 05 người con chung là bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1958; ông Hoàng Văn H2, sinh năm 1960; ông Hoàng Văn D, sinh năm 1965; bà Hoàng Thị L, sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1972. Ngoài 05 người con trên thì bà M không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Ngày

13/02/2020 bà M chết không để lại di chúc. Các đương sự thống nhất và không ai có ý kiến gì thêm về những người trong hàng thừa kế nên căn cứ vào Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng di sản của bà Phạm Thị M gồm: Hoàng Thị H1, sinh năm 1958; Hoàng Văn H2, sinh năm 1960; Hoàng Văn D, sinh năm 1965; Hoàng Thị L, sinh năm 1969 và Hoàng Thị H3, sinh năm 1972. Do ông D không nhất trí giao cho bà L toàn bộ di sản thừa kế của bà Phạm Thị M nên cần xem xét để chia tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

2.2. Xét về di sản thừa kế: Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã xác minh nguồn gốc đất thừa kế của bà Phạm Thị M tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tuyên Hoá thì nguồn gốc di sản thừa kế như sau: Ngày 03/01/2021 UBND huyện Tuyên Hoá cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P925502 cho bà Phạm Thị M tại thửa đất 973, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m². Trong đó 400m² đất ở nông thôn và 100m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 25.9.2007 UBND huyện Tuyên Hoá cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị M tại thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7; diện tích 628 m²; Trong đó: 400m² đất ở nông thôn và 228m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ tại thôn 2 T, xã T, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 938866 mang tên bà Phạm Thị M. Thời điểm này hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tuyên Hoá không có sổ hộ khẩu gia đình kèm theo nên không xác định được số lượng nhân khẩu trong gia đình.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá cũng đã tiến hành xác minh tại xã Thanh Hoá về hộ khẩu thường trú của bà Phạm Thị M vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì từ ngày 15/11/2016 đến ngày 13/02/2020 (trước ngày bà Phạm Thị M chết) hộ khẩu thường trú của bà Phạm Thị M chỉ có 01 nhân khẩu. Bà Phạm Thị M đồng thời là chủ hộ, không có thành viên nào khác. Như vậy, nguồn gốc di sản thừa kế xác định là của bà Phạm Thị M.

Trên thửa đất này có một số tài sản gắn liền trên đất bao gồm một số cây trồng, trong đó có 1 số cây ăn quả. Ngoài ra trên đất còn có 01 ngôi nhà gỗ, nhà kết cấu gỗ tròn các loại, bao che xung quanh bằng ván, mái lợp Pbroxi măng và một phần ngói, cửa gỗ bằng ván ghép, nền đất. Diện tích ngôi nhà là 74,57m² (là tài sản riêng của bà L làm trên đất thừa kế, nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ của anh em trong gia đình), không phải là tài sản thừa kế.

Quá trình giải quyết ông D cho rằng thửa đất này là của ông mua lại của ông Lê Viết Vịnh cùng trú tại thôn 2 T, xã Thanh Hoá. Tuy nhiên ông D không xuất trình được cho Toà án chứng cứ tài liệu mua bán giữa ông và ông Lê Viết Vịnh, không chứng minh được việc mua bán như thế nào để khẳng định yêu cầu của mình là hợp pháp. Mặt khác ông Lê Viết Vịnh (tức ông Lê Quang Vịnh) có bản trình bày gửi cho Toà án không thừa nhận có sự mua bán nào về quyền sử dụng đất giữa ông và ông Hoàng Văn D. Việc ông D cho rằng mảnh đất thừa kế hiện đang tranh chấp giữa bà L ông D và những người có quyền lợi liên quan trong vụ án do ông D mua lại của ông là không đúng sự thật và không có cơ sở.

Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 612, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định thửa đất và tài sản gắn liền trên thửa đất là di sản thừa kế của bà

Phạm Thị M. Theo biên bản định giá tài sản ngày 07/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định: Giá trị của thửa đất số 342 theo giá của UBND tỉnh Quảng Bình là 20.560.000đ (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Giá thị trường hiện tại là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Trên đất có 01 ngôi nhà gỗ, bao che xung quanh bằng ván, mái lợp fibrôximăng và một phần ngói, cửa gỗ, nền đất. Trị giá ngôi nhà 48.480.150đ (bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng). Nguồn gốc của ngôi nhà này theo bản trình bày của anh Hoàng Văn L1 và tại phiên toà thì ngôi nhà là tài sản của bà L mẹ anh, (có sự xác nhận của trưởng thôn và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thanh Hoá, khẳng định ngôi nhà là của bà Hoàng Thị L không phải là tài sản thừa kế của bà M). Bà H1, ông H2 đều thừa nhận ngôi nhà có trên đất là nhà của bà Hoàng Thị L. Do đó Hội đồng xét xử xét cần giao cho bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu, sử dụng quản lý.

Trên đất thừa kế có các loại cây trồng (gồm các loại cây ăn quả ngắn ngày và một số cây lâu năm) trị giá 6.384.500đ (sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng). Tổng giá trị toàn bộ tài sản thừa kế của bà M gồm đất và cây là 256.384.500đ (hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng). (Trong đó giá trị đất được định giá theo giá thị trường là 250.000.000đ) (hai trăm năm mươi triệu đồng) và giá trị cây trồng các loại trên đất là 6.384.500đ (sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng). Các đồng thừa kế cũng không có tranh chấp về số cây này và không yêu cầu chia giá trị cây trên đất thừa kế.

Như vậy phần di sản của bà M tính theo giá trị bằng tiền là 256.384.500đ (hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) (theo giá thị trường của Hội đồng định giá).

2.3. Về kỹ phân thừa kế:

Tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 quy định những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Như vậy, di sản của bà Phạm Thị M được chia cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Hoàng Thị H1, sinh năm 1958; Hoàng Văn H2, sinh năm 1960; Hoàng Văn D, sinh năm 1965; Hoàng Thị L, sinh năm 1969 và Hoàng Thị H3, sinh năm 1972 kỹ phân thừa kế của mỗi người được hưởng bằng nhau, cụ thể:

1. Bà Hoàng Thị H1 được chia phần thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích là 125,4m². Trong đó: Đất ở nông thôn (ONT: 80m²) đất trồng cây lâu năm (CLN: 45,4m²). (Theo sơ đồ bản vẽ ngày 07/12/2021).

Phía Tây từ điểm 6-7 giáp đường giao thông dài 2,27m.

Phía Nam điểm 4-5-6 giáp đất ông D: chiều dài từ điểm 4-5: 18,57m; từ điểm 5-6: 20,92m.

Phía Đông điểm 9-4 giáp đất ông Vịnh chiều dài 3,87m

Phía Bắc 7-8-9 giáp đất ông H2; chiều dài từ điểm 7-8: 20,76m; từ điểm 8-9: 19,09m.

2. Ông Hoàng Văn H2 được chia kỹ phân thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 125,7m². Trong đó: Đất ở nông thôn (ONT: 80m²) đất trồng cây lâu năm (CLN45,7m²). (Theo sơ đồ bản vẽ ngày 07/12/2021).

Phía Tây từ điểm 7-12 giáp đường giao thông, dài 2,27m

Phía Nam từ điểm 7-8-9 giáp đất bà H1, chiều dài từ điểm 7-8: 20,76m, từ điểm 8-9: 19,09m.

Phía Đông từ điểm 9-10 giáp đất ông Vịnh; chiều dài 3,87m

Phía Bắc từ điểm 10-11-12 giáp đất bà L chiều dài từ điểm 10-11: 19,62m
Từ điểm 11-12: 20,66m.

3. Ông Hoàng Văn D được chia phần thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích là 125,5m². Trong đó: Đất ở nông thôn ONT 80m², đất trồng cây lâu năm 45,5m². (Theo sơ đồ bản vẽ ngày 07/12/2021).

Phía Tây từ điểm 6-1 giáp đường giao thông có chiều dài 2,27m

Phía Nam từ điểm 1-2-3 giáp đất ở và đất trồng cây lâu năm của ông D, chiều dài từ điểm 1-2 là 21,19m, từ điểm 2-3 là 18,03m.

Phía Đông từ điểm 3-4 giáp đất ông Lê Quang Vịnh, chiều dài 3,87m

Phía Bắc từ điểm 4-5-6 giáp đất ở nông thôn của bà Hoàng Thị H1 có chiều dài từ điểm 4-5 là 18,5m, từ điểm 5-6 là 20,92m.

Trị giá đất là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

4. Bà Hoàng Thị L được chia phần thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích là: 125,9m². Trong đó: Đất ở nông thôn ONT: 80m²; đất trồng cây lâu năm CLN : 45,9m². (Theo sơ đồ bản vẽ ngày 07/12/2021).

Phía Tây từ điểm 12-13 giáp đường giao thông; dài 2,27m

Phía Nam từ điểm 10-11-12 giáp đất ông H2; chiều dài từ điểm 10-11: 19,62m. Từ điểm 11-12: 20,66m.

Phía đông từ điểm 15-10 giáp đất ông Vịnh; chiều dài 3,87m

Phía Bắc từ điểm 13-14-15 giáp đất bà H3 chiều dài từ điểm 13-14: 20,64m; từ điểm 14-15: 20,13m.

5. Bà Hoàng Thị H3 được chia phần thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích là 125,5m². Trong đó: Đất ở nông thôn ONT: 80m²; đất trồng cây lâu năm CLN: 45,5m². (theo sơ đồ bản vẽ ngày 07/12/2021).

Phía Tây từ điểm 13-17 giáp đường giao thông; chiều dài 2,27m

Phía Nam từ điểm 13-14-15 giáp đất bà L; chiều dài từ điểm 13-14: 20,64m từ điểm 14-15: 20,13m.

Phía Đông từ điểm 15-16 giáp đất ông Vịnh; chiều dài 3,85m

Phía Bắc từ điểm 16-17 giáp đất bà Bùi Thị Sửu; chiều dài 41,34m

Trên đất thừa kế có 1 số cây trồng lâu năm và cây ăn quả ngắn ngày, trị giá 6.384.500đ, số cây này trồng rải rác trên đất nên kỷ phần thừa kế của ai có cây trồng trên đất thì người đó được sở hữu và sử dụng.

2.4. Về việc giao di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyện vọng của nguyên đơn bà Hoàng Thị L (ủy quyền cho anh Hoàng Văn L1) được tiếp tục quản lý và sử dụng tài sản thừa kế của bà Phạm Thị M là đất vườn ở và theo nguyện vọng của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Văn H2 và bà Hoàng Thị H3. Bà H1, ông H2 và bà H3 đều thoả thuận, thống nhất giao toàn bộ kỷ phần thừa kế của bà H1, ông H2, bà H3 cho bà Hoàng Thị L được quản lý, sử dụng và không yêu cầu Tòa án chia diện tích đất thừa kế thành từng phần riêng của mỗi người. Đồng thời không có yêu cầu bà L

hoàn trả phần giá trị chênh lệch tài sản cho bà H1, ông H2, bà H3. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi của bà Hoàng Thị L cũng như phù hợp với nguyện vọng của bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét thấy sự thoả thuận giữa bà H1, ông H2, bà H3 và bà L là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy cần công nhận sự thoả thuận này và giao 4/5 thửa đất gồm kỹ phần thừa kế của bà H1, ông H2, bà H3 và kỹ phần thừa kế của bà L cho bà L được quản lý, sử dụng là phù hợp.

Như vậy bà Hoàng Thị L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ kỹ phần thừa kế của 03 người gồm Hoàng Thị H1, Hoàng Văn H2, Hoàng Thị H3 và kỹ phần thừa kế của bà Hoàng Thị L, tổng diện tích đất vườn ở là 502,5m² (năm trăm L1 hai phẩy năm mét vuông). Trong đó: Đất ở nông thôn 320m²; đất trồng cây lâu năm 182,5m². (Theo kết quả thẩm định và bản vẽ sơ đồ ngày 07/12/2021 trong hồ sơ vụ án). Có tứ cận như sau:

Phía Tây từ điểm 6-7 giáp đường giao thông, dài 9,10m²

Phía Nam từ điểm 4-5-6 giáp đất ông Hoàng Văn D. Trong đó chiều dài từ điểm 4-5 là 18,57m, từ điểm 5-6 là 20,92m

Phía Đông từ điểm 4-8 giáp đất ông Lê Quang Vịnh có chiều dài 15,46m

Phía Bắc từ điểm 7-8 giáp đất bà Bùi Thị Sửu có chiều dài là 41,34m. Trị giá đất khoảng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Ông Hoàng Văn D được chia phần thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích là 125,5m². Trong đó: Đất ở nông thôn ONT 80m², đất trồng cây lâu năm 45,5m². (Theo sơ đồ bản vẽ ngày 07/12/2021).

Phía Tây từ điểm 6-1 giáp đường giao thông có chiều dài 2,27m

Phía Nam từ điểm 1-2-3 giáp đất ở và đất trồng cây lâu năm của ông D, chiều dài từ điểm 1-2 là 21,19m, từ điểm 2-3 là 18,03m.

Phía Đông từ điểm 3-4 giáp đất ông Lê Quang Vịnh, chiều dài 3,87m

Phía Bắc từ điểm 4-5-6 giáp đất ở nông thôn của bà Hoàng Thị H1 có chiều dài từ điểm 4-5 là 18,5m, từ điểm 5-6 là 20,92m. Trị giá đất ông D được chia thừa kế là khoảng 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

2.5. Về yêu cầu tính công sức duy trì, quản lý di sản của bà L trong suốt thời gian 25 năm, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L là chính đáng. Tuy nhiên hiện tại các đồng thừa kế là bà H1, ông H2 và bà H3 đều thoả thuận giao lại cho bà L phần thừa kế của những người này và không yêu cầu bà L hoàn trả phần tiền chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất. Mặt khác tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (anh Hoàng Văn L1) không có yêu cầu tính công sức của bà L trong việc bảo quản duy trì di sản thừa kế như đơn khởi kiện và nhất trí như ý kiến của bà H1, ông H2 và người đại diện theo uỷ quyền của bà H3 là ông H2. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà L về tính công sức bảo quản di sản thừa kế.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.032.000.000 đ (bốn triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên

đơn anh Hoàng Văn L1 tự nguyện xin chịu toàn bộ số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn ông Hoàng Văn D, phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí tương ứng với giá trị đất thừa kế được hưởng là 50.000.000 đồng.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Văn H2, bà Hoàng Thị H3 từ chối nhận di sản thừa kế nên không phải chịu án phí.

Đối với nguyên đơn bà Hoàng Thị L là đối tượng thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, căn cứ khoản điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà L cũng có đơn xin miễn án phí ngày 14.6.2021. Vì vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị L khoản tiền án phí dân sự đối với giá trị tài sản là đất thừa kế mà bà L được hưởng. (Bao gồm phần thừa kế của bà L và phần thừa kế của các đồng thừa kế khác gồm bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Văn H2, bà Hoàng Thị H3 từ chối nhận di sản thừa kế và giao lại cho bà L quản lý, sử dụng).

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 611, Điều 612, khoản 1 Điều 623, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của nguyên đơn bà Hoàng Thị L (người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Hoàng Văn L1) đối với bị đơn ông Hoàng Văn D; xử vắng mặt ông Hoàng Văn D.

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Phạm Thị M gồm: Hoàng Thị H1, sinh năm 1958; Hoàng Văn H2, sinh năm 1960; Hoàng Văn D, sinh năm 1965; Hoàng Thị L, sinh năm 1969 và Hoàng Thị H3, sinh năm 1972.

2. Xác định di sản của bà Phạm Thị M để lại gồm giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 7; diện tích 628 m²; địa chỉ tại thôn 2 T, xã T,

huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 938866 do UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/9/2007 mang tên bà Phạm Thị M; (có tứ cận phía Bắc từ điểm 1-5 giáp thửa đất số 334, tờ bản đồ số 7 của bà Bùi Thị Sửu.

Phía Đông từ điểm 4-5 giáp thửa đất số 352, tờ bản đồ số 7 của ông Lê Quang Vịnh.

Phía Tây từ điểm 1-2 giáp đường giao thông.

Phía Nam điểm từ 2,3,4 giáp thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7 của ông Hoàng Văn D). Địa chỉ thửa đất tại thôn 2 T xã Thanh Hoá, huyện tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Giá trị đất 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. Mỗi kỹ phần thừa kế được xác định là: 50.000.000đồng x 5 người = 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Trên đất có một số cây trồng (gồm cây ăn quả và cây lâu năm) trị giá 6.384.500đ (sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng giá trị đất và cây trồng trên đất 256.384.500đ (hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

4. Giao cho nguyên đơn bà Hoàng Thị L được quản lý và sử dụng toàn bộ kỹ phần thừa kế quyền sử dụng đất được chia của 04 người gồm Hoàng Thị H1, Hoàng Văn H2, Hoàng Thị L và Hoàng Thị H3 diện tích đất vườn ở là 502,5m² (năm trăm L1 hai phẩy năm mét vuông). Trong đó: Đất ở nông thôn 320m²; đất trồng cây lâu năm 182,5m². (Có ranh giới theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2021 và sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất kèm theo trong hồ sơ vụ án). Có tứ cận như sau:

Phía Tây từ điểm 6-7 giáp đường giao thông, dài 9,10m²

Phía Nam từ điểm 4-5-6 giáp đất ông Hoàng Văn D. Trong đó chiều dài từ điểm 4-5 là 18,57m, từ điểm 5-6 là 20,92m

Phía Đông từ điểm 4-8 giáp đất ông Lê Quang Vịnh có chiều dài 15,46m

Phía Bắc từ điểm 7-8 giáp đất bà Bùi Thị Sửu có chiều dài là 41,34m

Trị giá đất là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Về số cây trồng nếu nằm trên phần đất của bà L được chia thừa kế thì giao cho bà L được sở hữu, sử dụng.

5. Giao cho bị đơn ông Hoàng Văn D kỹ phần thừa kế được chia là quyền sử dụng đất có diện tích là 125,5m². Trong đó: Đất ở nông thôn ONT 80m², đất trồng cây lâu năm 45,5m². (theo sơ đồ bản vẽ ngày 07/12/2021).

Phía Tây từ điểm 6-1 giáp đường giao thông có chiều dài 2,27m

Phía Nam từ điểm 1-2-3 giáp đất ở và đất trồng cây lâu năm của ông D, chiều dài từ điểm 1-2 là 21,19m, từ điểm 2-3 là 18,03m.

Phía Đông từ điểm 3-4 giáp đất ông Lê Quang Vịnh, chiều dài 3,87m

Phía Bắc từ điểm 4-5-6 giáp đất ở nông thôn của bà Hoàng Thị H1 có chiều dài từ điểm 4-5 là 18,5m, từ điểm 5-6 là 20,92m.

Trị giá đất là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Về số cây trồng nếu nằm trên phần đất của ông D được chia thừa kế thì giao cho ông D được sở hữu, sử dụng.

Về ngôi nhà gỗ trên đất (là tài sản riêng của bà L) có giá trị 48.480.150đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn một trăm năm mươi đồng). Giao cho bà Hoàng Thị L tiếp tục sở hữu, sử dụng nếu ông D có yêu cầu tháo dỡ, bà L có nghĩa vụ phải tháo dỡ nhà trên đất để giao kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất cho ông D.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Hoàng Thị L (ủy quyền cho anh Hoàng Văn L1) tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 4.032.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không có yêu cầu ông Hoàng Văn D phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản. Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn D phải nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tương đương với phần di sản được hưởng.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Văn H2, bà Hoàng Thị H3 từ chối nhận di sản thừa kế nên không phải chịu án phí.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị L thuộc trường hợp hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Căn cứ khoản điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy bà Hoàng Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/02/2022). Đối với bị đơn ông Hoàng Văn D vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hoá nơi ông D cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thuỷ